

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐH HUẾ
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐH Y - DƯỢC HUẾ
Số: 488-T/BVYD-VT, TB&CSVC
V/v thông báo mời chào giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Huế, ngày 26 tháng 8 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hàng hóa

Bệnh viện Trường Đại học Y – Dược Huế có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở xây dựng dự toán mua sắm: Cung cấp hàng biểu mẫu quý III năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Trường Đại học Y – Dược Huế (Địa chỉ: 41-51 Nguyễn Huệ, phường Thuận Hóa, thành phố Huế)

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Thị Anh Đào, SĐT: 0935845647, địa chỉ email: ntanhdaotk94@gmail.com

Để biết thêm chi tiết hoặc đơn vị có nhu cầu khảo sát chi tiết vui lòng liên hệ Nguyễn Thị Thu Hà, chức vụ: Phó Trưởng Phòng VTTB&CSVC, SĐT: 0981330304)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Trường Đại học Y – Dược Huế (Địa chỉ: 41-51 Nguyễn Huệ, phường Thuận Hóa, thành phố Huế)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 26 tháng 8 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 30 tháng 8 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày báo giá

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục hàng hóa:

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Số lượng
1	Bảng cân kết phòng chống cháy nổ	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m ² , giấy nội in 01 mặt/01 màu.	Tờ	6.000
2	Bảng kê chi phí vật tư tiêu hao	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m ² , độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu	Tờ	20.000
3	Bảng kê chi phí vật tư tiêu hao PM(MB02)	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A3/70g/m ² , độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu	Tờ	3.000
4	Bảng kiểm chụp cộng hưởng từ MRI	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m ² , độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu	Tờ	2.000
5	Bảng theo dõi ngày giường	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m ² , giấy nội in 01 mặt/01 màu.	Tờ	10.000
6	Bệnh án ngoại khoa	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A3/70g/m ² , độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu	Tờ	4.000

7	Bệnh án nội khoa	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A3/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu	Tờ	8.000
8	Bệnh án sơ sinh	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A3/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu	Tờ	1.000
9	Bệnh án TMH	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A3/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu	Tờ	1.000
10	Bệnh án Ung Bướu	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A3/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu	Tờ	3.000
11	Cam kết đồng ý tiêm thuốc cản quang	KT: 14,5cmx21cm. Giấy A5 70g/m2, giấy nội in 02 mặt/01 màu.	Tờ	4.000
12	Đơn thuốc	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2, giấy nội in 01 mặt/01 màu.	Tờ	20.000
13	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	8.000
14	Giấy cam kết chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	3.000
15	Giấy cam kết chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức(ngoại trú)	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2, giấy nội in 01 mặt/01 màu.	Tờ	6.000
16	Giấy hồng dùng in giấy ra viện	KT: 14,5cm x 21cm. Làm bằng giấy Fo hồng (giấy ngoại), DL 180	Tờ	30.000
17	Những lưu ý trước khi xét nghiệm	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2, giấy nội in 01 mặt/01 màu.	Tờ	2.000
18	Phiếu hẹn trả kết quả xét nghiệm	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 màu vàng 70g/m2, giấy nội in 01 mặt/01 màu.	Tờ	35.000
19	Phiếu gây mê hồi sức	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	15.000
20	Phiếu kế hoạch chăm sóc	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	13.000
21	Phiếu lĩnh thuốc bao giám đốc duyệt	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	80
22	Phiếu lĩnh thuốc gây nghiện	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 1 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	20
23	Phiếu lĩnh thuốc hướng tâm thần	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 1 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	20
24	Phiếu sơ kết 15 ngày điều trị	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu	Tờ	2.000
25	Phiếu theo dõi chức năng sống	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	15.000

26	Phiếu theo dõi điều trị	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	30.000
27	Phiếu theo dõi hồi sức	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	20.000
28	Phiếu theo dõi xử trí cấp cứu	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4 Ngoại Paper one /70g/m2, độ trắng 90, in 1mặt/1 màu	Tờ	7.500
29	Phiếu theo dõi truyền dịch	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	6.000
30	Phiếu chăm sóc	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	35.000
31	Sổ đi buồng	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Tờ	20
32	Sổ bàn giao người bệnh vào khoa	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	200
33	Sổ yêu cầu sửa chữa	KT: 14,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 1 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	20
34	Sổ ghi kết quả CDHA	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90 in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng. Khâu chỉ	Cuốn	20
35	Sổ ghi kết quả CT-MRI	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90 in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng. Khâu chỉ	Cuốn	10
36	Sổ chỉ thị	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	80
37	Sổ giao ban	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	100
38	Sổ biên bản hội chẩn	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	20
39	Sổ vào viện-ra viện-chuyển viện	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90 in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng. Khâu chỉ	Cuốn	10
40	Tờ điều trị số	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	15.000
41	Tờ duyệt mổ	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1	Tờ	10.000

		mặt/1 màu		
42	Trích biên bản hội chẩn	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1mặt/1 màu	Tờ	25.000
43	Giấy cam đoan xin làm thủ thuật(vô sinh)	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2, giấy nội in 01 mặt/01 màu.	Tờ	500
44	Giấy cam đoan xác nhận mẫu tinh trùng (vô sinh)	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2, giấy nội in 01 mặt/01 màu.	Tờ	500

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hóa: giao hàng tại Kho Quản trị của Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế, 51 Nguyễn Huệ, phường Thuận hóa, thành phố Huế.)

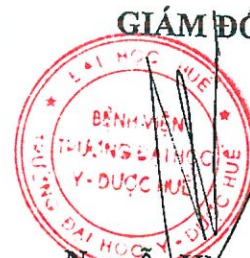
3. Các thông tin khác (nếu có): yêu cầu quý công ty, nhà cung cấp báo giá theo mẫu báo giá của Thông tư số 14/2023/TT-BYT và báo giá phải bỏ vào túi hồ sơ được niêm phong ghi rõ thông tin đơn vị gửi (tên công ty, báo giá cho gói thầu, ...)

Rất mong Quý Công ty, nhà cung cấp quan tâm tham gia chào giá.

Trân trọng kính chào./✓

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban Giám đốc;
- Phòng: TCKT, VT, TB&CSVC;
- Website bệnh viện (thông báo rộng rãi);
- Lưu: VT, VT, TB&CSVC



Nguyễn Khoa Hùng

